

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Luật số 123/2025/QH15 và khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b) Trẻ em, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo: Theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mức thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo: Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện; công khai, dân chủ, đúng mục đích; theo đúng quy định pháp luật; phải có dự toán thu, chi trước khi thu và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ; tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

3. Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Việc quản lý, sử dụng, phân phối thu, chi bảo đảm theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm

1. Miễn thu các khoản thu quy định tại Điều 2 của Quyết định này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: Con liệt sĩ; gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức và người lao động mà cả

cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

2. Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định tại Điều 2 của Quyết định này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: Con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; gia đình thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức và người lao động mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .21.. tháng ...9... năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ sở giáo dục phổ thông;
- Các cơ sở giáo dục thường xuyên;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Thuyên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 105 /2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)



A	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CÓ QUY ĐỊNH MỨC THU
I	MẦM NON
1	Hoạt động bán trú tại trường
a	Dịch vụ bán trú
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ
a	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết
b	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non ngày nghỉ hè
3	Dịch vụ phục vụ công tác vệ sinh lớp học
II	TIỂU HỌC
1	Hoạt động bán trú tại trường
a	Dịch vụ bán trú
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng
2	Dịch vụ phục vụ công tác vệ sinh lớp học
III	TRUNG HỌC (BAO GỒM TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG)
1	Hoạt động bán trú tại trường
B	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO KHÔNG QUY ĐỊNH MỨC THU
I	Tiền ăn (bữa ăn sáng, bữa chính, bữa phụ); nước uống; đồ dùng cho học sinh bán trú; dịch vụ nội trú học sinh trường trung học phổ thông chuyên: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh phù hợp với thực tế địa phương.
II	Dịch vụ mua, lắp đặt, sử dụng điện của máy điều hòa: Theo thực tế sử dụng và chi phí mua, lắp đặt máy điều hòa, đồng hồ điện.

III	Dịch vụ đưa đón học sinh; dịch vụ hướng nghiệp, trải nghiệm; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục khác như dịch vụ phát triển năng lực học sinh theo môn học (ngoại ngữ, tin học, giáo dục stem/steam, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo), phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể thao: Theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh với các tổ chức, cá nhân theo quy định.
------------	---

PHỤ LỤC II
MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP



(Kèm theo Quyết định số 105 /2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	MÀM NON		
1	Hoạt động bán trú tại trường		
	Dịch vụ bán trú (chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên phục vụ bán trú; nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt; khấu hao tài sản phục vụ bán trú)		
a	Hoạt động bán trú có tổ chức nấu ăn		
	- Chi trả lương nhân viên nấu ăn		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	185.000
	+ Vùng III		165.000
	+ Vùng IV		145.000
	- Chi hỗ trợ viên chức quản lý, nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú		
	+ Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng /học sinh	32.000
	+ Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		40.000
	+ Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		48.000
	- Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	120.000
	+ Vùng III, Vùng IV		100.000
	- Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống	Đồng/tháng/học sinh	26.000
	TỔNG CỘNG		
	+ Vùng II		
	Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	363.000
	Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		371.000

	Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		379.000
	+ Vùng III		
	Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	323.000
	Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		331.000
	Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		339.000
	<i>- Trường thuộc địa bàn xã</i>		
	+ Vùng IV		
	Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	303.000
	Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		311.000
	Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		319.000
b	<i>Hoạt động bán trú không tổ chức nấu ăn (nhà trường tổ chức giữ học sinh giờ bán trú, không tổ chức nấu ăn; nấu ăn do cơ sở dịch vụ nấu ăn cung cấp)</i>		
	<i>- Chi hỗ trợ viên chức quản lý, nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú</i>		
	+ Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	25.000
	+ Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		32.000
	+ Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		38.000
	<i>- Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	70.000
	+ Vùng III, Vùng IV		50.000
	<i>- Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống</i>	Đồng/tháng/học sinh	10.000
	TỔNG CỘNG		
	+ Vùng II		
	Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	105.000
	Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		112.000
	Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		118.000
	+ Vùng III, Vùng IV		
	Trường có quy mô từ 9 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	85.000
	Trường có quy mô từ 7 đến 8 lớp		92.000
	Trường có quy mô từ 6 lớp trở xuống		98.000
c	<i>Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng</i>	Đồng/bữa sáng/học sinh	6.000

2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ		
	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non ngày thứ bảy, chủ nhật	Đồng/ngày/học sinh	95.000
	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non ngày nghỉ lễ, tết		130.000
	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non ngày nghỉ hè		57.000
3	Dịch vụ phục vụ công tác vệ sinh lớp học		
	Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	23.000
	Vùng III		20.000
	Vùng IV		18.000
II	TIỂU HỌC		
1	Hoạt động bán trú tại trường		
	Dịch vụ bán trú (chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt; khấu hao tài sản phục vụ bán trú)		
a	Hoạt động bán trú có tổ chức nấu ăn		
	- Chi trả lương nhân viên nấu ăn		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	185.000
	+ Vùng III		165.000
	+ Vùng IV		145.000
	- Chi hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	240.000
	+ Vùng III		210.000
	+ Vùng IV		180.000
	- Chi hỗ trợ viên chức quản lý, nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú		
	+ Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	19.000
	+ Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		34.000
	+ Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		38.000

	<i>- Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	30.000
	+ Vùng III, Vùng IV		25.000
	<i>- Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống</i>	Đồng/tháng/học sinh	10.000
	TỔNG CỘNG		
	+ Vùng II		
	Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	484.000
	Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		499.000
	Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		503.000
	+ Vùng III		
	Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	429.000
	Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		444.000
	Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		448.000
	<i>- Trường thuộc địa bàn xã</i>		
	+ Vùng IV		
	Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	379.000
	Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		394.000
	Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		398.000
<i>b</i>	<i>Hoạt động bán trú không tổ chức nấu ăn (nhà trường tổ chức giữ học sinh giờ bán trú, không tổ chức nấu ăn; nấu ăn do cơ sở dịch vụ nấu ăn cung cấp)</i>		
	<i>- Chi hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	240.000
	+ Vùng III		210.000
	+ Vùng IV		180.000
	<i>- Chi hỗ trợ viên chức quản lý, nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú</i>		
	+ Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	15.000
	+ Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		27.000
	+ Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		30.000

	<i>- Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	12.000
	+ Vùng III, Vùng IV		10.000
	- Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống	Đồng/tháng/học sinh	7.000
	TỔNG CỘNG		
	+ Vùng II		
	Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	274.000
	Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		286.000
	Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		289.000
	+ Vùng III		
	Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	244.000
	Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		256.000
	Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		259.000
	+ Vùng IV		
	Trường có quy mô từ 16 lớp trở lên	Đồng/tháng/học sinh	212.000
	Trường có quy mô từ 9 đến 15 lớp		224.000
	Trường có quy mô từ 8 lớp trở xuống		227.000
<i>c</i>	<i>Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng</i>	Đồng/bữa sáng/học sinh	5.000
2	Dịch vụ phục vụ công tác vệ sinh lớp học		
	Vùng II	Đồng/tháng /học sinh	20.000
	Vùng III		17.000
	Vùng IV		15.000
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
1	Hoạt động bán trú tại trường		
	Dịch vụ bán trú (chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt; khấu hao tài sản phục vụ bán trú)		

a	Hoạt động bán trú có tổ chức nấu ăn		
	<i>- Chi trả lương nhân viên nấu ăn</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	185.000
	+ Vùng III		165.000
	+ Vùng IV		145.000
	<i>- Chi hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	150.000
	+ Vùng III		130.000
	+ Vùng IV		120.000
	<i>- Chi hỗ trợ viên chức quản lý, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú</i>	Đồng/tháng/học sinh	37.000
	<i>- Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	30.000
	+ Vùng III, Vùng IV		25.000
	<i>- Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống</i>	Đồng/tháng/học sinh	10.000
	TỔNG CỘNG		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	412.000
	+ Vùng III		367.000
	+ Vùng IV		337.000
b	Hoạt động bán trú không tổ chức nấu ăn (nhà trường tổ chức giữ học sinh giờ bán trú, không tổ chức nấu ăn; nấu ăn do cơ sở dịch vụ nấu ăn cung cấp)		
	<i>- Chi hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	150.000
	+ Vùng III		130.000
	+ Vùng IV		120.000
	<i>- Chi hỗ trợ viên chức quản lý nhân viên kế toán, thủ quỹ, y tế phục vụ bán trú</i>	Đồng/tháng/học sinh	30.000
	<i>- Phụ phí cho hoạt động bán trú (phục vụ vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn, chất đốt, điện, nước sinh hoạt)</i>		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	12.000

	+ Vùng III, Vùng IV		10.000
	- <i>Chi phí khấu hao tài sản phục vụ việc ăn uống</i>	Đồng/tháng/học sinh	7.000
	TỔNG CỘNG		
	+ Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	199.000
	+ Vùng III		177.000
	+ Vùng IV		167.000